

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Bản án số: 18/2024/DSPT

Ngày: 17-01-2024.

V/v: “Tranh chấp về thừa kế tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiệp

Các thẩm phán: Ông Lê Văn Duy

Ông Thái Văn Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Tiên - Thư ký TAND tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định:

Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 146/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 120/2023/DS-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 241/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1969; địa chỉ: xóm Đ, thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định; có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1966; địa chỉ: xóm H, thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1964; địa chỉ: tổ F, ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Thu T2, sinh năm 1968; địa chỉ: thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định; có mặt.

3. Chị Võ Thị Diệu L, sinh năm 1983; địa chỉ: xóm L, thôn C, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

4. Chị Phạm Thị N, sinh năm 1985; địa chỉ: tổ G, ấp A, xã S, huyện T, tỉnh

**Đồng Nai**; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

5. Trẻ **Võ Ngọc Á**, sinh ngày 17/11/2016

Người đại diện hợp pháp: Chị **Phạm Thị N**, sinh năm 1985- là mẹ ruột.

Cùng địa chỉ: **tổ G, ấp A, xã S, huyện T, Đồng Nai**; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

6. Ông **Võ Tiến D**, sinh năm 1964; địa chỉ: **tổ F, ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai**; vắng mặt(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

7. Ông **Lê Đình T3**, sinh năm 1966 (là chồng của bà **Nguyễn Thị Thu T**); địa chỉ: **xóm H, thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định**; vắng mặt.

8. Ông **Nguyễn Tấn L1**, sinh năm 1966 (chồng bà **Nguyễn Thị Thu H**); địa chỉ: **xóm Đ, thôn T, xã N, thị xã A, Bình Định**; vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà **Nguyễn Thị Thu T** là bị đơn trong vụ án.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Thu H** trình bày: Cha bà là cụ **Nguyễn Đ** (sinh 1937, chết 28/02/2011), mẹ là cụ **Hồ Thị L2** (sinh năm 1935, chết 11/8/2016), không lập di chúc. Cha mẹ có 4 người con chung: **Nguyễn Thị Thu T1**, **Nguyễn Thị Thu T**, **Nguyễn Thị Thu T2**, **Nguyễn Thị Thu H**, không có con nuôi, con riêng. Ông bà nội chết trước cha, ông bà ngoại chết trước mẹ.

Cha mẹ (cụ **Đ** và cụ **L2**) được Nhà nước giao quyền sử dụng thửa đất thổ cư, diện tích 1680m<sup>2</sup> (200m<sup>2</sup> đất ở 1480m<sup>2</sup> đất vườn) và 02 thửa ruộng( thửa có diện tích 1264m<sup>2</sup>, và thửa có diện tích 1194m<sup>2</sup>) đều tọa lạc tại **thôn Đ, xã N** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00140/QSDĐ/I12 ngày 19/4/1993 UBND huyện (nay là thị xã) An Nhơn. Năm 1997, cha mẹ cắt cho vợ chồng chị **Nguyễn Thị Thu T**, anh **Lê Đình T3** 234m<sup>2</sup> đất vườn ở phía Tây thửa đất để xây dựng nhà. Diện tích thửa đất của cha mẹ còn lại là 1446m<sup>2</sup>, đo đạc thực tế là 884,3m<sup>2</sup>. Thời điểm Nhà nước giao quyền sử dụng đất, hộ gia đình cha mẹ có 04 nhân khẩu gồm: cha mẹ của bà và 02 con của chị **Nguyễn Thị Thu T1** là **Võ Thị Diệu L** và **Võ Tiến P** (sinh năm 1985, chết 2018). Nguồn gốc thửa đất thổ cư do cha mẹ bà tạo lập, cha mẹ có xây dựng 01 ngôi nhà trên đất. Năm 2013, nhà hư hỏng nặng nên mẹ dỡ bỏ và xây dựng nhà mới trên nền móng cũ. Chi phí xây dựng nhà do mẹ bỏ ra, 04 chị em bà có đóng góp công sức nhưng không đáng kể. Nhà, đất của cha mẹ hiện vợ chồng bà sử dụng để làm nghề mộc.

Bà thống nhất diện tích đo đạc thực tế mà Hội đồng đo đạc, định giá đã xác định, không có ý kiến đối với phần diện tích đất chênh lệch (giảm). Bà không yêu cầu tính giá trị phân tường rào, cổng ngõ mà vợ chồng bà đã xây dựng trên đất. Tường rào, cổng ngõ nằm trên phần đất chia cho ai thì người đó được quyền sở hữu, sử dụng.

Bà không tranh chấp đối với 234m<sup>2</sup> đất vườn cha mẹ đã tặng cho vợ chồng chị **Nguyễn Thị Thu T**, và rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa giải quyết phân chia đối với 02 thửa đất lúa và số tiền hỗ trợ, bồi thường thu hồi đất lúa.

Bà yêu cầu chia di sản của cha mẹ là nhà, đất ở và đất vườn thuộc thửa 308 theo quy định của pháp luật, xin nhận hiện vật và đồng ý nhận quyền sử dụng đất chung với chị gái **Nguyễn Thị Thu T2**.

- Theo biên bản lấy lời khai ngày 01/12/2022 bị đơn bà **Nguyễn Thị Thu T** trình bày: Bà thống nhất lời trình bày của bà **Nguyễn Thị Thu H** về mối quan hệ gia đình, nguồn gốc tài sản tranh chấp, quá trình sử dụng đất. Thời điểm Nhà nước cân đối giao quyền ruộng đất bà không có tên trong hộ gia đình cha mẹ. Năm 1997, cha mẹ cất cho vợ chồng bà 234m<sup>2</sup> đất vườn ở phía Tây thửa đất của cha mẹ, vợ chồng bà xây dựng nhà ở, đã được UBND huyện (nay là thị xã) An Nhơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà không có ý kiến đối với phần diện tích đo đạc thực tế chênh lệch (giảm) so với giao quyền. Bà thống nhất không tranh chấp đối với diện tích đất lúa và số tiền hỗ trợ bồi thường đất lúa.

Tài sản của cha mẹ để lại bà yêu cầu chia đều cho 04 người con, bà nhận hiện vật, đồng thời tính công sức đóng góp của bà trong việc xây dựng ngôi nhà của mẹ.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà **Nguyễn Thị Thu T2** trình bày: Thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn **Nguyễn Thị Thu H** về nguồn gốc tài sản tranh chấp, mối quan hệ gia đình. Bà không yêu cầu tính công sức đóng góp trong việc xây dựng ngôi nhà của mẹ. Bà không tranh chấp đối với diện tích đất vườn mà cha mẹ đã cho vợ chồng bà **T**, không có ý kiến đối với phần diện tích đất đo đạc thực tế giảm. Đối với 02 thửa ruộng, khi còn sống cha mẹ đã chia cho cháu **L** và cháu **P** sử dụng một thửa, còn cha mẹ sử dụng một thửa (hiện bà **H** đang sử dụng để lo nhang khói cho cha mẹ), nên bà thống nhất không có yêu cầu phân chia.

Bà yêu cầu chia di sản của cha mẹ là nhà, đất ở và đất vườn theo quy định pháp luật, xin nhận bằng hiện vật, đồng ý giao quyền sử dụng đất chung với bà **Nguyễn Thị Thu H**.

- Bà **Nguyễn Thị Thu T1** trình bày: Thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn **Nguyễn Thị Thu H** về nguồn gốc tài sản tranh chấp, mối quan hệ gia đình. Di sản của cha mẹ **Nguyễn Đ**, **Hồ Thị L2** là nhà, đất yêu cầu chia theo quy định pháp luật, xin nhận bằng hiện vật. Bà không tranh chấp đối với diện tích đất vườn cha mẹ đã chuyển nhượng cho vợ chồng bà **T** và 02 thửa ruộng.

Con trai bà là **Võ Tiến P** (sinh năm 1985, chết 2018, có vợ tên **Phạm Thị N**, con tên **Võ Ngọc Á**). Khi nhà nước cân đối giao quyền ruộng đất cho hộ gia đình mẹ của bà, **P** có tên trong nhân khẩu được giao ruộng đất, nên yêu cầu được nhận phần đất vườn đã cân đối giao quyền cho **P**.

- Chị **Võ Thị Diệu L** trình bày: Thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn **Nguyễn Thị Thu H** về nguồn gốc tài sản tranh chấp, mối quan hệ gia đình. Chị yêu cầu chia phần diện tích đất vườn mà nhà nước đã cân đối giao quyền cho chị.

- Ông **Võ Tiến D** trình bày: Ông là cha ruột của **Võ Tiến P** (sinh năm 1985, chết 2018). Ông tự nguyện tặng cho phần thừa kế mà ông được hưởng từ **Võ Tiến P** cho vợ **Nguyễn Thị Thu T1**.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là đại diện theo pháp luật của trẻ **Võ Ngọc Á** - chị **Phạm Thị N** trình bày: Chị là vợ của anh **Võ Tiến P** (sinh năm 1985, chết 2018). Chị và anh **P** có 01 con chung là **Võ Ngọc Á**. Chị tự nguyện tặng cho phần thừa kế mà chị và con gái **Võ Ngọc Á** được hưởng từ **Võ Tiến P** cho mẹ chồng là **Nguyễn Thị Thu T1**.

- Ông **Lê Đình T3** (là chồng bị đơn **Nguyễn Thị Thu T**) đã được Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông **T** vẫn không đến Tòa làm việc, không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn và cũng không có yêu cầu độc lập.

- Ông **Nguyễn Tấn L1** trình bày: Ông là chồng bà **Nguyễn Thị Thu H**, năm 2020, vợ chồng ông làm mái hiên (bằng tole ở phía Đông nhà của cha mẹ vợ) để ông làm nghề mộc và quản lý nhà, đất của cha mẹ vợ. Năm 2021, vợ chồng ông tiếp tục xây công ngõ (phần dưới xây bằng gạch, phần trên lưới B40) và tường rào bao quanh thửa đất của cha mẹ vợ. Ông sẽ tháo dỡ mái hiên dọn toàn bộ đồ nghề (máy móc và cây gỗ) giao trả lại nhà, đất cho người được chia tài sản. Đối với công trình xây dựng là tường rào, công ngõ thì ông không yêu cầu những thừa kế của cha mẹ vợ phải bồi lại giá trị mà để các chị em gia đình vợ tự thỏa thuận phân chia.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 120/2023/DS-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định đã quyết định:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 201, 227, 228, 264, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 212, 213, 219, 623, 649, 651, 652 và 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

#### **Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Thu H**.

2/ Xác định diện tích 684,3m<sup>2</sup> đất vườn thuộc thửa đất số 308, tờ bản đồ số 11 tại **thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định** đã được cân đối giao quyền sử dụng đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ cho cụ **Nguyễn Đ**, cụ **Hồ Thị L2**, chị **Võ Thị Diệu L** và anh **Võ Tiến P**, mỗi người được giao 171,1m<sup>2</sup>. Anh **Võ Tiến P** chết 2018, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: ông **Võ Tiến D**, bà **Nguyễn Thị Thu T1**, chị **Phạm Thị N** và cháu **Võ Ngọc Á**.

3/ Xác định diện tích 200m<sup>2</sup> đất ở thuộc thửa đất số 308, tờ bản đồ số 11 tại **thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định** là tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng cụ **Hồ Thị L2**, cụ **Nguyễn Đ**.

4/ Di sản của cụ **Nguyễn Đ** và cụ **Hồ Thị L2** là quyền sử dụng 200m<sup>2</sup> đất ở, 342,2m<sup>2</sup> đất vườn thuộc thửa đất số 308, tờ bản đồ số 11 tại **thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định** và quyền sở hữu ngôi nhà trên đất được chia theo pháp luật cho người thuộc hàng thừa kế thứ nhất: bà **Nguyễn Thị Thu T1**, bà **Nguyễn Thị Thu T**, bà **Nguyễn Thị Thu T2** và bà **Nguyễn Thị Thu H**.

5/ Chia cho bà **Nguyễn Thị Thu T** quyền sử dụng đất diện tích 150m<sup>2</sup> (trong đó



50m<sup>2</sup> đất ở và 100m<sup>2</sup> đất vườn) thuộc thửa đất số 308, tờ bản đồ số 11 tại thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định, giới cận: Đông giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị Thu T1; Nam và B giáp đường đi; Tây giáp nhà, đất của vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu T, ông Lê Đình T3. Trên phần đất được chia có các công trình: nhà, wc, hiên tole của vợ chồng Nguyễn Thị Thu T, Lê Đình T3 xây dựng. (Ký hiệu A)

6/ Chia cho bà Nguyễn Thị Thu T1 quyền sử dụng đất diện tích 434,3m<sup>2</sup> (gồm 50m<sup>2</sup> đất ở và 384,3m<sup>2</sup> đất vườn) thuộc thửa đất số 308, tờ bản đồ số 11 tại thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định và quyền sở hữu ngôi nhà, tường rào, công ngõ xây dựng trên đất, giới cận: Đông giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị Thu H và bà Nguyễn Thị Thu T2; N1 và Bắc giáp đường đi; Tây giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị Thu T. (Ký hiệu B)

7/ Chia cho bà Nguyễn Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Thu T2 quyền sử dụng đất diện tích 300m<sup>2</sup> (trong đó 100m<sup>2</sup> đất ở và 200m<sup>2</sup> đất vườn) thuộc thửa đất số 308, tờ bản đồ số 11 tại thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định và quyền sở hữu tường rào xây dựng trên đất, giới cận: Đông giáp Miếu, N1 và Bắc giáp đường đi, Tây giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị Thu T1. (Ký hiệu C)

(Có sơ đồ đo vẽ kèm theo)

8/ Buộc bà Nguyễn Thị Thu T1 có trách nhiệm thanh toán cho chị Võ Thị Diệu L số tiền 171.100.000đồng; bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 45.939.622đồng; bà Nguyễn Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Thu T2 mỗi người số tiền 15.744.811đồng.

9/ Ghi nhận sự tự nguyện của ông Võ Tiến D, chị Phạm Thị N tự nguyện tặng cho phần thừa kế mà ông Võ Tiến D, chị Phạm Thị N và con gái Võ Ngọc Á được hưởng từ Võ Tiến P cho bà Nguyễn Thị Thu T1.

10/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H đối với yêu cầu chia quyền sử dụng thửa đất số 426, tờ bản đồ số 10 loại đất lúa; thửa đất số 546, tờ bản đồ số 9 loại đất lúa và số tiền bồi thường thu hồi đất lúa.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản, quyền nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/10/2023 bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T kháng cáo, với nội dung: Yêu cầu chia công sức đóng góp gồm: chi phí và công sức trông coi khi xây dựng nhà cho cha mẹ. Ngày 22/11/2023 bà T có đơn bổ sung kháng cáo, nội dung: Khi xây dựng nhà của cha mẹ có đóng góp 03 bộ cửa lớn(không xác nhận được vì có mâu thuẫn), góp ngày công xây dựng, chăm sóc cha mẹ lúc đau ốm tuổi già đến khi qua đời. Yêu cầu chia phần ruộng của cha mẹ để lại, chia đều cho những người hàng thừa kế.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị Thu T bổ sung nội dung kháng cáo cụ thể: Yêu cầu chia công sức đóng góp là 74.000.000 đồng, gồm: chi phí mua vật liệu xây dựng, đóng góp 03 bộ cửa lớn, góp ngày công xây dựng và công trông coi khi xây dựng, chăm sóc cha mẹ lúc đau ốm tuổi già đến khi qua đời. Cách chia phần cho bà Nguyễn Thị Thu T1 được sở hữu nhà và diện tích đất nhiều hơn các đồng thừa kế khác là chưa thỏa đáng. Yêu cầu chia phần ruộng của cha mẹ để lại, chia đều cho những người hàng thừa kế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật. Riêng người liên quan ông **Lê Đình T3** và ông **Nguyễn Tấn L1** đã được tổng đạt triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

Về việc giải quyết vụ án:

Đối với kháng cáo yêu cầu xem xét tăng phần công sức đóng góp gồm: chi phí đã bỏ ra mua vật liệu xây dựng, trả công thợ, ngày công đóng góp, công trông coi khi xây dựng nhà và nuôi dưỡng cha mẹ của bà **Nguyễn Thị Thu T** nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh là tiền của bà bỏ ra trả các khoản trên, không được những người đồng thừa kế khác thừa nhận. Cho nên, Tòa án sơ thẩm đã xem xét bà được hưởng công sức đóng góp tương ứng với 20% giá trị xây dựng còn lại ngôi nhà 30.194.811 đồng là phù hợp.

Đối với kháng cáo về cách chia: Chị **T1** được hưởng phần di sản của cụ **Đ** và cụ **L2** theo pháp luật, ngoài ra còn được nhận phần diện tích của 02 người con của bà là anh **P** và chị **L**. Phía tây thửa đất của cụ **Đ** và cụ **L2** liền kề với phần đất bà **T** đang sử dụng và gắn với một số công trình do bà **T** xây dựng. Cho nên, Tòa án sơ thẩm chia giao cho bà **T** phần diện tích thừa kế của cụ **Đ** và cụ **L2** ở vị trí này là đảm bảo quyền lợi của bà **T** và phù hợp với hiện trạng thửa đất. Bà **T1** được nhận phần diện tích lớn hơn so với các đồng thừa kế khác của cụ **Đ** cụ **L2**, thanh toán lại giá trị chênh lệch cho nhau là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi các bên.

Do đó, kháng cáo của bà **Nguyễn Thị Thu T** là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà **Nguyễn Thị Thu T**, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn bà **Nguyễn Thị Thu T** là trong thời hạn, hình thức và nội dung đơn kháng cáo đúng quy định pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông **Lê Đình T3** và ông **Nguyễn Tấn L1** đã được tổng đạt triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bà **Nguyễn Thị Thu T**, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nhà cụ **Hồ Thị L2** xây dựng năm 2013, giá trị xây dựng còn lại là 150.974.055 đồng. Qua xem xét các tài liệu chứng cứ: hóa đơn mua vật liệu xây dựng và xác nhận trả tiền công thợ do bà **T** cung cấp không đủ căn cứ để xác định tiền trả các khoản trên là của bà **T**. Trong khi các đồng thừa kế là bà **H**, bà **T2** và bà **T1** chỉ thừa nhận chi phí xây dựng nhà do cụ **L2** bỏ ra, các chị em có đóng góp nhưng không đáng kể, bà **T** là người quản lý tiền, lo mua vật liệu xây dựng và trông

coi công thợ, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét công sức đóng góp cho bà T tương ứng 20% giá trị xây dựng còn lại với số tiền 30.194.811 đồng (20% x 150.974.055 đồng) là phù hợp. Tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa bà T yêu cầu chia công sức đóng góp là 74.000.000 đồng, trong đó bổ sung các khoản: đóng góp 03 bộ cửa lớn (không xác nhận được vì có mâu thuẫn), góp ngày công xây dựng, chăm sóc cha mẹ lúc đau ốm tuổi già, nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh và cũng không được các đồng thừa kế thừa nhận.

Đối với kháng cáo về cách chia: Chị T1 ngoài phần diện tích được chia thừa kế của cụ Đ và cụ L2 như các đồng thừa kế khác, còn được nhận phần diện tích chia tài sản chung của 02 người con là anh P (do đồng thừa kế của anh P tặng cho) và chị L (do không đủ điều kiện tách thừa, bà T1 thanh toán giá trị lại cho chị L). Mặt khác, phía tây đất của cụ Đ và cụ L2 liền kề với phần đất của bà T đang quản lý sử dụng và gắn với một số công trình do bà T xây dựng. Cho nên, Tòa án cấp sơ thẩm chia bà T1 được nhận phần diện tích lớn hơn (trong đó có diện tích gắn với nhà) so với các đồng thừa kế khác của cụ Đ cụ L2, thanh toán lại giá trị chênh lệch cho chị L và các đồng thừa kế là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi các bên; bà T được nhận phần diện tích thừa kế của cụ Đ và cụ L2 giáp liền kề với đất của bà là phù hợp với hiện trạng thừa đất và đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T và các đồng thừa kế và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thống nhất không yêu cầu chia phần đất ruộng cấp cho hộ cụ Đ và cụ L2, cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết trong vụ án, nên không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T; giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số: 120/2023/DS-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của đại diện VKSND tỉnh Bình Định tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;*

*Căn cứ các Điều 212, 213, 219, 623, 649, 651, 652 và 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 168, 188 luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án;*

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu T; giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số: 120/2023/DS-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H.

2/ Xác định diện tích 684,3m<sup>2</sup> đất vườn thuộc thừa đất số 308, tờ bản đồ số 11



tại thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định đã được cân đối giao quyền sử dụng đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ cho cụ Nguyễn Đ, cụ Hồ Thị L2, chị Võ Thị Diệu L và anh Võ Tiến P, mỗi người được giao 171,1m<sup>2</sup>. Anh Võ Tiến P chết 2018, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: ông Võ Tiến D, bà Nguyễn Thị Thu T1, chị Phạm Thị N và cháu Võ Ngọc Á.

3/ Xác định diện tích 200m<sup>2</sup> đất ở thuộc thửa đất số 308, tờ bản đồ số 11 tại thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định là tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng cụ Hồ Thị L2, cụ Nguyễn Đ.

4/ Di sản của cụ Nguyễn Đ và cụ Hồ Thị L2 là quyền sử dụng 200m<sup>2</sup> đất ở, 342,2m<sup>2</sup> đất vườn thuộc thửa đất số 308, tờ bản đồ số 11 tại thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định và quyền sở hữu ngôi nhà trên đất được chia theo pháp luật cho người thuộc hàng thừa kế thứ nhất: bà Nguyễn Thị Thu T1, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Nguyễn Thị Thu T2 và bà Nguyễn Thị Thu H.

5/ Chia cho bà Nguyễn Thị Thu T quyền sử dụng đất diện tích 150m<sup>2</sup> (trong đó 50m<sup>2</sup> đất ở và 100m<sup>2</sup> đất vườn) thuộc thửa đất số 308, tờ bản đồ số 11 tại thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định, giới cận: Đông giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị Thu T1; Nam và B giáp đường đi; Tây giáp nhà, đất của vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu T, ông Lê Đình T3. Trên phần đất được chia có các công trình: nhà, wc, hiên tole của vợ chồng Nguyễn Thị Thu T, Lê Đình T3 xây dựng. (Ký hiệu A)

6/ Chia cho bà Nguyễn Thị Thu T1 quyền sử dụng đất diện tích 434,3m<sup>2</sup> (gồm 50m<sup>2</sup> đất ở và 384,3m<sup>2</sup> đất vườn) thuộc thửa đất số 308, tờ bản đồ số 11 tại thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định và quyền sở hữu ngôi nhà, tường rào, công ngõ xây dựng trên đất, giới cận: Đông giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị Thu H và bà Nguyễn Thị Thu T2; N1 và Bắc giáp đường đi; Tây giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị Thu T. (Ký hiệu B)

7/ Chia cho bà Nguyễn Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Thu T2 quyền sử dụng đất diện tích 300m<sup>2</sup> (trong đó 100m<sup>2</sup> đất ở và 200m<sup>2</sup> đất vườn) thuộc thửa đất số 308, tờ bản đồ số 11 tại thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định và quyền sở hữu tường rào xây dựng trên đất, giới cận: Đông giáp Miếu, N1 và Bắc giáp đường đi, Tây giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị Thu T1. (Ký hiệu C)

(Có sơ đồ đo vẽ kèm theo)

8/ Buộc bà Nguyễn Thị Thu T1 có trách nhiệm thanh toán cho chị Võ Thị Diệu L số tiền 171.100.000đồng; bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 45.939.622đồng; bà Nguyễn Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Thu T2 mỗi người số tiền 15.744.811đồng.

9/ Ghi nhận sự tự nguyện của ông Võ Tiến D, chị Phạm Thị N tự nguyện tặng cho phần thừa kế mà ông Võ Tiến D, chị Phạm Thị N và con gái Võ Ngọc Á được hưởng từ Võ Tiến P cho bà Nguyễn Thị Thu T1.

10/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H đối với yêu cầu chia quyền sử dụng thửa đất số 426, tờ bản đồ số 10 loại đất lúa; thửa đất số 546, tờ bản đồ số 9 loại đất lúa và số tiền bồi thường thu hồi đất lúa.

11. Án phí dân sự phúc thẩm:



Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số:0001992 ngày 20/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn(bà T đã nộp xong).

12. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh BìnhĐịnh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã An Nhơn;
- TAND thị xã An Nhơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Hiệp**